

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU BƯỚM (Lepidoptera: Rhopalocera)
Ở BA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG MIỀN TRUNG VIỆT NAM: ĐẮKRÔNG,
BẠCH MÃ VÀ BÀ NÀ-NÚI CHÚA (THÁNG 4-5/2013)**

Vũ Văn Liên

*Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Vũ Quang Côn

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Phạm Việt Hùng

Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam

Trần Thị Thanh Bình

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

MỞ ĐẦU

Bướm Việt Nam được nghiên cứu từ những năm đầu của thế kỷ XX, gần đây có nhiều công trình nghiên cứu về bướm được tiến hành ở các vườn quốc gia (VQG) và khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) trong cả nước, khu hệ bướm của các vườn quốc gia được nghiên cứu khá kỹ như Cúc Phương, Tam Đảo, Cát Tiên... Bên cạnh đó, bướm ở nhiều khu rừng còn ít được nghiên cứu, trong đó có KBTTN Đăkrông và Bà Nà-Núi Chúa.

Ba khu rừng đặc dụng Đăkrông, Bà Nà-Núi Chúa và Bạch Mã nằm ở miền Trung Việt Nam, không cách xa nhau nhiều về mặt địa lý, tuy nhiên lại có kiểu khí hậu khá khác nhau. Bà Nà-Núi Chúa ngăn cách với hai khu vực kia bởi đèo Hải Vân. Bạch Mã có khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh, là nơi có khí hậu giao thoa giữa khí hậu phía Bắc và khí hậu phía Nam. Bà Nà-Núi Chúa nằm trong vùng khí hậu phía Nam không có mùa đông lạnh. Đăkrông có khí hậu gần giống với khí hậu Bạch Mã, có mùa đông lạnh.

Chính vì những lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thành phần loài bướm ở ba khu vực miền Trung nhằm bổ sung dẫn liệu về thành phần loài và so sánh thành phần loài giữa ba khu vực trong khoảng thời gian nhất định.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Địa điểm nghiên cứu: KBTTN Đăkrông tỉnh Quảng Trị, VQG Bạch Mã tỉnh Thừa Thiên-Huế và KBTTN Bà Nà-Núi Chúa thành phố Đà Nẵng.

Thời gian nghiên cứu: tháng 4 và 5 năm 2013, mỗi khu vực điều tra 5 ngày: Đăkrông từ 26-30/4/2013, Bạch Mã từ 1-5/5/2013, Bà Nà-Núi Chúa từ 6-10/5/2013.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thu thập mẫu vật bằng vợt côn trùng. Ngoài ra, quan sát, ghi chép sự có mặt và mức độ phong phú của các loài ở các khu vực nghiên cứu.

Sinh cảnh nghiên cứu: rừng kín tự nhiên, rừng thứ sinh nhân tác, rừng phục hồi, ven suối, cây bụi trắng cỏ, khu canh tác nông-lâm nghiệp. Độ cao Đăkrông 500-1000m, Bạch Mã 100-1450m, Bà Nà-Núi Chúa 500-1500m.

Định tên loài theo tác giả Chou (1994), D'Abrera (1982-1984), Osada *et al.* (1999), Monastyrskii (2007), Ek-Amnuay (2012), Inayoshi (<http://yutaka.it-n.jp>).

So sánh mức độ tương đồng về thành phần loài giữa các khu vực bằng phân tích Cluster Analysis, phần mềm Primer V.5 chạy trong Window 8.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Bước đầu đã ghi nhận 188 loài bướm ở ba KBTTN và VQG khu vực miền Trung; trong đó, KBTTN Đăkrông có số loài bướm nhiều nhất (138 loài, chiếm 73,40% tổng số loài), tiếp theo là VQG Bạch Mã (104 loài, chiếm 55,32%), ít nhất là KBTTN Bà Nà-Núi Chúa (62 loài, chiếm 32,98%). Loài có giá trị bảo tồn là *Troides* sp. (Collin & Morris, 1985). Thành phần và mức độ phong phú của các loài được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Thành phần loài và mức độ phong phú của các loài bướm tại 3 VQG và KBTTN từ 26/4-10/5/2013

STT	Họ, loài	Đăkrông	Bạch Mã	Bà Nà-Núi Chúa
	Họ Bướm phượng Papilionidae			
1	<i>Troides</i> sp.	+	+	+
2	<i>Byasa polyeuctes</i> (Doubleday, 1842)	+	+	+
3	<i>Atrophaneura aidoneus</i> (Doubleday, 1845)	+	+	
4	<i>Chilasa slytia</i> (Linnaeus, 1758)	++		
5	<i>Meandrusa lachinus</i> (Fruhstorfer, 1902)			+
6	<i>Losaria coon</i> (Fabricius, 1793)	+	+	
7	<i>Papilio domeleus</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	+
8	<i>Papilio helenus</i> (Linnaeus, 1758)	++	++	++
9	<i>Papilio protenor</i> (Cramer, 1775)		++	
10	<i>Papilio polytes</i> (Linnaeus, 1758)	++	++	+
11	<i>Papilio memnon</i> (Linnaeus, 1758)	+++	+++	++
12	<i>Papilio dialis doddsi</i> (Janet, 1896)		+	+
13	<i>Papilio bianor</i> (Cramer, 1777)		+	
14	<i>Papilio alcmenor</i> (Felder, 1864)			+
15	<i>Papilio paris</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	
16	<i>Graphium antiphates</i> (Cramer, 1775)	++	+	
17	<i>Graphium sarpedon</i> (Linnaeus, 1758)	+++	++	++
18	<i>Graphium doson</i> (Felder, 1864)	++		
19	<i>Graphium arycles</i> (Boisduval, 1863)	+	++	
20	<i>Graphium agamemnon</i> (Linnaeus, 1785)	+		
21	<i>Lamproptera curius</i> (Fabricius, 1787)	+++	++	++
22	<i>Lampropter meges</i> (Butler, 1870)	++		

